

Số: 684/QĐ-ĐHHHVN

Hải Phòng, ngày 10 tháng 09 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH
Về việc cấp học bổng khuyến khích học tập

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀNG HẢI VIỆT NAM

Căn cứ Quyết định số 2136/QĐ-ĐHHHVN ngày 10/10/2016 của Hiệu trưởng Trường Đại học Hàng hải Việt Nam về Ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường;

Căn cứ Nghị định 86/2015/NĐ-CP ngày 02/10/2015, Quyết định số 44/2007/QĐ-BGDĐT ngày 15/08/2007, Thông tư 31/2013/TT-BGDĐT ngày 01/08/2013 sửa đổi bổ sung quyết định số 44/2007/QĐ-BGDĐT, về việc cấp học bổng khuyến khích học tập, chính sách và trợ cấp xã hội đối với sinh viên các trường đào tạo công lập;

Căn cứ Quyết định số 2270/QĐ-ĐHHHVN ngày 26/11/2018 và Quyết định số 2008/QĐ-ĐHHHVN của Hiệu trưởng Trường Đại học Hàng hải Việt Nam, về việc ban hành quy định xét cấp học bổng khuyến khích học tập cho sinh viên đại học chính quy theo hệ thống tín chỉ;

Căn cứ Biên bản họp Hội đồng xét học bổng khuyến khích học tập ngày 08/09/2020 và kết quả học tập, rèn luyện của sinh viên học kỳ II năm học 2019-2020;

Theo đề nghị của Trưởng phòng CTSV.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Xét cấp học bổng khuyến khích học tập học kỳ I năm học 2020-2021 tính theo kết quả học tập và rèn luyện học kỳ II năm học 2019-2020 cho sinh viên (có danh sách kèm theo)

Tổng số tiền 3.372.750.000 đồng trong đó:

- Viện Đào tạo Chất lượng cao 49 sinh viên: 248.500.000 đồng.
- Viện Đào tạo Quốc tế 43 sinh viên: 220.850.000 đồng.
- Các Khoa/ Viện còn lại 549 sinh viên: 2.903.400.000 đồng.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Trưởng các Phòng: TC-HC, Đào tạo, CTSV, KH-TC, Trưởng các Khoa/Viện có sinh viên, sinh viên có tên trong danh sách và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Lưu: VT, CTSV.



PGS.TS. Phạm Xuân Dương



TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀNG HẢI VIỆT NAM

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐẠT HỌC BỔNG KHUYẾN KHÍCH HỌC TẬP**Năm học: 2020-2021 - Học kỳ: 1**(Kèm theo Quyết định số: 684 QĐ-ĐHHVN, ngày 10 tháng 09 năm 2020)

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	TBC Học tập	Điểm thường	Điểm RL	ĐT HB	Số tiền (5 tháng / kỳ)	Ghi chú
Hệ: Đại học chính quy									
Khoa: Khoa Công nghệ thông tin									
Lớp: CNT57ĐH									
1	69472	Phan Văn Nam	10.01.1998	3,82	0	80	3,82	5.000.000	
2	68037	Lưu Văn Quyết	28.01.1998	3,82	0	90	3,82	5.500.000	
3	69535	Phạm Như Quỳnh	07.08.1998	4	0	90	4	5.500.000	
4	63617	Trần Thị Thảo	07.07.1997	3,82	0	90	3,82	5.500.000	
Tổng lớp:								21.500.000	
Lớp: CNT58ĐH									
1	73341	Đặng Việt Hoàng	21.02.1999	3,6	0	90	3,6	5.500.000	
2	74458	Ngô Trung Kiên	19.08.1999	3,8	0	90	3,8	5.500.000	
3	73393	Đồng Quang Linh	21.12.1999	3,6	0	90	3,6	5.500.000	
4	75288	Phạm Trung Thành	03.12.1999	4	0	90	4	5.500.000	
5	76063	Vũ Việt Trường	04.11.1999	3,9	0	90	3,9	5.500.000	
6	74913	Nguyễn Duy Tùng	28.02.1999	3,5	0	90	3,5	5.000.000	
7	75780	Trần Trọng Văn	14.12.1999	3,5	0	90	3,5	5.000.000	
Tổng lớp:								37.500.000	
Lớp: CNT59ĐH									
1	77141	Nguyễn Tuấn Anh	20.02.2000	4	0	90	4	5.500.000	
2	77476	Nguyễn Đại Dương	27.09.2000	3,89	0,05	100	3,94	5.500.000	
3	78892	Vũ Tâm Long	30.04.2000	4	0,05	100	4,05	5.500.000	
4	79458	Nguyễn Văn Phương	17.08.2000	3,91	0	90	3,91	5.500.000	
5	79538	Vũ Đức Quang	11.10.2000	3,63	0,05	100	3,68	5.500.000	
6	79650	Nguyễn Trường Sơn	25.03.2000	3,62	0	90	3,62	5.500.000	
7	79804	Mạc Quang Thành	16.12.2000	3,68	0	90	3,68	5.500.000	
8	80418	Nguyễn Thế Vinh	23.03.2000	3,62	0	90	3,62	5.500.000	
Tổng lớp:								44.000.000	
Lớp: CNT60ĐH									
1	82783	Dương Tùng Đức	20.10.2001	3,75	0	90	3,75	5.500.000	
2	82812	Phạm Minh Đức	04.08.2001	3,74	0	90	3,74	5.500.000	
3	83331	Đoàn Thị Thu Hương	24.01.2001	3,91	0,05	100	3,96	5.500.000	
4	83389	Bùi Đức Huy	19.01.2001	3,89	0	95	3,89	5.500.000	
5	83509	Vũ Tiến Huy	21.04.2000	3,91	0	90	3,91	5.500.000	
6	83512	Đặng Văn Hỷ	23.09.2001	3,66	0	90	3,66	5.500.000	
7	83785	Trịnh Tiến Lộc	03.11.2001	3,72	0	90	3,72	5.500.000	
8	85570	Nguyễn Phú Vinh	03.03.2001	3,91	0	90	3,91	5.500.000	

Tổng lớp:									44.000.000
Lớp: KPM57ĐH									
1	70383	Vũ Thị Mơ	21.02.1998	3,74	0,05	100	3,79	5.500.000	
2	68973	Nguyễn Dương Nguyên	24.04.1998	3,65	0	100	3,65	5.500.000	
Tổng lớp:									11.000.000
Lớp: KPM58ĐH									
1	75909	Vũ Thành Hưng	13.02.1999	3,73	0	80	3,73	5.000.000	
2	74561	Nguyễn Thị Hồng Mận	29.07.1999	4	0,05	90	4,05	5.500.000	
3	75217	Phạm Quỳnh Nga	15.10.1999	3,68	0,05	90	3,73	5.500.000	
Tổng lớp:									16.000.000
Lớp: KPM59ĐH									
1	77972	Nguyễn Hữu Hiệp	31.03.2000	3,32	0	90	3,32	5.000.000	
2	79496	Lã Tiến Quân	21.06.2000	3,57	0	90	3,57	5.000.000	
3	79874	Phạm Thu Thảo	25.10.2000	3,69	0	90	3,69	5.500.000	
Tổng lớp:									15.500.000
Lớp: KPM60ĐH									
1	82338	Nguyễn Thị Thanh Bình	22.02.2001	3,29	0	89	3,29	5.000.000	
2	84254	Bùi Văn Nguyên	27.05.2001	3,38	0	89	3,38	5.000.000	
3	84672	Phạm Quang Sáng	06.06.2001	4	0,05	100	4,05	5.500.000	
4	85430	Nguyễn Nhật Tùng	18.03.2001	3,29	0	89	3,29	5.000.000	
Tổng lớp:									20.500.000
Lớp: TTM57ĐH									
1	70071	Trần Hoài Linh	12.10.1998	3,56	0,05	91	3,61	5.500.000	
2	70092	Trần Hoàng Thái	26.11.1998	3,32	0,05	99	3,37	5.000.000	
Tổng lớp:									10.500.000
Lớp: TTM58ĐH									
1	74287	Nguyễn Thị Thúy Hiền	22.12.1999	3,8	0	90	3,8	5.500.000	
2	75610	Trần Thị Mai Loan	03.04.1999	3,7	0	90	3,7	5.500.000	
3	76072	Vũ Thị Uyên	24.07.1999	3,6	0,05	97	3,65	5.500.000	
Tổng lớp:									16.500.000
Lớp: TTM59ĐH									
1	78246	Đỗ Quang Hưng	24.05.2000	3,46	0	95	3,46	5.000.000	
2	78340	Lê Quốc Huy	27.01.2000	3,68	0	97	3,68	5.500.000	
3	79502	Phùng Hoàng Quân	23.09.2000	3,55	0	97	3,55	5.000.000	
4	79555	Vũ Xuân Quý	23.03.1999	3,91	0	99	3,91	5.500.000	
Tổng lớp:									21.000.000
Lớp: TTM60ĐH									
1	82085	Lê Mai Anh	06.01.2001	3,31	0	89	3,31	5.000.000	
2	82776	Bùi Văn Đức	13.08.2001	3,44	0	89	3,44	5.000.000	
3	83492	Nguyễn Thu Huyền	17.07.2001	3,38	0,05	99	3,43	5.000.000	
4	84397	Vũ Tấn Phong	28.09.2001	3,25	0	89	3,25	5.000.000	
Tổng lớp:									20.000.000

Tổng		52							278.000.000	
Khoa:		Khoa Công trình								
Lớp:		BĐA57ĐH								
1	69137	Nguyễn Thị Quỳnh	18.05.1998	3,89	0	95	3,89	5.500.000		
2	68221	Lưu Mạnh Tùng	02.10.1998	3,92	0	98	3,92	5.500.000		
Tổng lớp:								11.000.000		
Lớp:		BĐA58ĐH								
1	76449	Nguyễn Thị Cẩm Tú	24.11.1999	3,35	0	90	3,35	5.000.000		
Tổng lớp:								5.000.000		
Lớp:		BĐA59ĐH								
1	79063	Bùi Nguyễn Ngọc My	29.12.2000	3,63	0,05	98	3,68	5.500.000		
Tổng lớp:								5.500.000		
Lớp:		CTT57ĐH								
1	67260	Dương Thị Dung	29.09.1998	3,56	0	95	3,56	5.000.000		
2	68698	Nguyễn Ngọc Huệ	11.02.1998	3,44	0	95	3,44	5.000.000		
3	67248	Dương Xuân Mạnh	02.02.1998	3,47	0	95	3,47	5.000.000		
Tổng lớp:								15.000.000		
Lớp:		CTT58ĐH								
1	70476	Vũ Chí Vinh	24.10.1998	3,41	0	90	3,41	5.000.000		
Tổng lớp:								5.000.000		
Lớp:		CTT59ĐH								
1	78202	Bùi Đức Hùng	18.11.2000	3,86	0,05	90	3,91	5.500.000		
Tổng lớp:								5.500.000		
Lớp:		CTT60ĐH								
1	85662	Lê Đình Lộc	03.07.2000	3,42	0	100	3,42	5.000.000		
Tổng lớp:								5.000.000		
Lớp:		KCĐ57ĐH								
1	67609	Đàm Bá Nghĩa	26.09.1998	3,6	0,05	90	3,65	5.500.000		
Tổng lớp:								5.500.000		
Lớp:		KCĐ58ĐH								
1	73439	Đỗ Đức Nhật	10.11.1999	3,87	0	100	3,87	5.500.000		
2	76458	Nguyễn Gia Tuấn	20.08.1999	3,58	0,05	100	3,63	5.500.000		
Tổng lớp:								11.000.000		
Lớp:		KCĐ59ĐH								
1	78580	Đỗ Thùy Liên	13.06.2000	3,92	0,05	95	3,97	5.500.000		
Tổng lớp:								5.500.000		
Lớp:		KTD57ĐH								
1	68568	Nguyễn Tuấn Dương	10.08.1998	2,95	0	95	2,95	4.450.000		
Tổng lớp:								4.450.000		
Lớp:		KTD58ĐH								
1	73088	Bùi Trường Phúc	10.07.1999	3,11	0	95	3,11	4.450.000		
Tổng lớp:								4.450.000		

Lớp: KTD59ĐH										
1	77433	Hoàng Tiến	Dũng	26.10.2000	3,11	0,05	90	3,16	4.450.000	
Tổng lớp:									4.450.000	
Lớp: QCX60ĐH										
1	85240	Nguyễn Thu	Trang	27.08.2001	3,84	0,05	100	3,89	5.500.000	
Tổng lớp:									5.500.000	
Lớp: XDD57ĐH										
1	68891	Nguyễn Thế	Anh	06.04.1998	3,57	0	95	3,57	5.000.000	
2	69072	Nguyễn Thế	Ngọc	23.02.1998	3,66	0	95	3,66	5.500.000	
3	68252	Lê Trắc	Phú	02.01.1998	3,38	0	95	3,38	5.000.000	
4	68527	Nguyễn Xuân	Quý	15.10.1998	3,63	0	95	3,63	5.500.000	
5	70182	Trần Công	Quyển	14.02.1998	3,75	0	95	3,75	5.500.000	
Tổng lớp:									26.500.000	
Lớp: XDD58ĐH										
1	73777	Lê Xuân	Đạo	13.02.1999	3,47	0,05	95	3,52	5.000.000	
2	74221	Nguyễn Duy	Đồng	17.06.1999	3,4	0	95	3,4	5.000.000	
3	74274	Nguyễn Đức	Hải	11.12.1999	3,48	0	90	3,48	5.000.000	
4	74716	Nguyễn Quang	Quýnh	10.06.1999	3,23	0	95	3,23	5.000.000	
Tổng lớp:									20.000.000	
Lớp: XDD60ĐH										
1	82484	Vũ Thùy	Dinh	24.12.2001	3,88	0,05	100	3,93	5.500.000	
2	85232	Nguyễn Thị Thu	Trang	02.11.2001	3,85	0	100	3,85	5.500.000	
Tổng lớp:									11.000.000	
Tổng khoa:									29	150.350.000
Khoa: Khoa Điện - Điện tử										
Lớp: ĐTD57ĐH										
1	67357	Đỗ Thanh	Bình	22.09.1998	3,86	0	90	3,86	5.500.000	
2	67888	Đỗ Việt	Đức	29.08.1998	3,69	0,05	100	3,74	5.500.000	
3	67531	Đặng Thế	Sơn	22.12.1998	3,75	0	90	3,75	5.500.000	
4	70013	Trần Quang	Thành	16.09.1998	3,71	0	90	3,71	5.500.000	
Tổng lớp:									22.000.000	
Lớp: ĐTD58ĐH										
1	74165	Nguyễn Hoàng	Duy	03.02.1999	3,82	0	90	3,82	5.500.000	
2	75521	Trần Trung	Hiếu	26.07.1999	3,83	0	90	3,83	5.500.000	
3	73353	Đặng Quang	Huy	04.01.1999	4	0	90	4	5.500.000	
4	73881	Lưu Quang	Nam	21.09.1999	3,74	0	90	3,74	5.500.000	
5	74701	Nguyễn Quốc	Quân	11.06.1999	3,73	0,05	90	3,78	5.500.000	
6	75271	Phạm Quang	Sơn	25.04.1999	3,78	0	90	3,78	5.500.000	
7	76009	Vũ Công	Thành	08.08.1999	3,92	0,05	100	3,97	5.500.000	
8	75299	Phùng Thị Phương	Thảo	07.11.1999	3,68	0,05	100	3,73	5.500.000	
Tổng lớp:									44.000.000	
Lớp: ĐTD59ĐH										

1	77318	Bùi Minh	Chiến	10.01.2000	3,91	0	100	3,91	5.500.000	
2	77454	Trần Mạnh	Dũng	30.11.1996	3,69	0	90	3,69	5.500.000	
3	77821	Đào Minh	Hải	15.03.2000	3,69	0	95	3,69	5.500.000	
4	77836	Phạm Duy Tiến	Hải	23.03.2000	3,74	0	90	3,74	5.500.000	
5	77990	Đào Minh	Hiếu	15.03.2000	3,56	0	95	3,56	5.000.000	
6	78133	Nguyễn Huy	Hoàng	30.01.2000	4	0	90	4	5.500.000	
7	78497	Dương Trung	Kiên	08.08.2000	3,91	0,05	100	3,96	5.500.000	
8	79000	Đào Tuấn	Minh	03.01.2000	3,78	0,05	90	3,83	5.500.000	
9	79758	Trần Minh Quang	Thắng	27.02.1999	3,75	0	100	3,75	5.500.000	
Tổng lớp:									49.000.000	
Lớp: ĐTD60ĐH										
1	82396	Lê Văn	Chiến	27.08.2001	3,91	0	90	3,91	5.500.000	
2	83153	Vũ Trung	Hiếu	04.10.2001	3,71	0	82	3,71	5.000.000	
3	83570	Nguyễn Đăng	Khỏe	09.05.2001	4	0	90	4	5.500.000	
4	83591	Nguyễn Trung	Kiên	10.12.2001	3,82	0	90	3,82	5.500.000	
5	84409	Trịnh Đức	Phú	04.08.2000	3,71	0	90	3,71	5.500.000	
6	84459	Nguyễn Bảo	Phương	26.01.2001	3,8	0	90	3,8	5.500.000	
7	84548	Trần Đắc	Quân	21.10.2001	3,72	0	90	3,72	5.500.000	
8	84613	Lương Tôn	Quyền	19.01.1989	3,83	0,05	95	3,88	5.500.000	
9	84872	Nguyễn Tiến	Thành	13.08.2001	3,91	0	90	3,91	5.500.000	
10	85412	Đặng Xuân	Tùng	15.06.2001	3,74	0	90	3,74	5.500.000	
11	85549	Nguyễn Bình	Việt	24.10.1999	3,82	0	90	3,82	5.500.000	
Tổng lớp:									60.000.000	
Lớp: ĐTT57ĐH										
1	69227	Nguyễn Ngọc	Bảo	10.12.1998	3,33	0	90	3,33	5.000.000	
2	65993	Nguyễn Trung	Đức	29.10.1997	4	0,05	90	4,05	5.500.000	
3	69050	Nguyễn Huy	Hoàng	19.07.1998	3,18	0,2	89	3,38	5.000.000	
Tổng lớp:									15.500.000	
Lớp: ĐTT58ĐH										
1	62749	Lê Văn	Đại	19.06.1997	3	0	93	3	4.450.000	
Tổng lớp:									4.450.000	
Lớp: ĐTT60ĐH										
1	85158	Đặng Văn	Toàn	20.03.2001	2,91	0	93	2,91	4.450.000	
Tổng lớp:									4.450.000	
Lớp: ĐTV57ĐH										
1	67126	Bùi Trường	Giang	19.04.1998	3,79	0	90	3,79	5.500.000	
2	69134	Nguyễn Thị Thùy	Linh	07.05.1998	3,61	0	90	3,61	5.500.000	
3	67058	Bùi Hồng	Phúc	25.07.1995	3,79	0,05	95	3,84	5.500.000	
4	70455	Vũ Thị	Thảo	12.08.1998	3,79	0,05	100	3,84	5.500.000	
Tổng lớp:									22.000.000	
Lớp: ĐTV58ĐH										
1	74999	Phạm Thị Ngọc	Anh	14.03.1999	3,47	0	90	3,47	5.000.000	

2	73231	Đoàn Ngọc	Âu	25.06.1999	3,81	0,05	92	3,86	5.500.000	
3	73256	Đỗ Công	Danh	28.05.1999	3,85	0,05	95	3,9	5.500.000	
4	75948	Vũ Hồng	Nam	05.08.1999	3,61	0	90	3,61	5.500.000	
Tổng lớp:									21.500.000	
Lớp: ĐTV59ĐH										
1	77915	Bùi Thị Thu	Hiền	12.08.2000	3,91	0,05	100	3,96	5.500.000	
2	78270	Đỗ Thị	Hương	26.09.2000	3,34	0	89	3,34	5.000.000	
3	79138	Hoàng Thị Thúy	Nga	28.01.2000	3,34	0	89	3,34	5.000.000	
4	79178	Nguyễn Ngọc	Nghĩa	05.06.2000	3,13	0	80	3,13	4.450.000	
5	79674	Trịnh Văn	Sỹ	03.08.2000	3,63	0	100	3,63	5.500.000	
6	80079	Lê Thu	Trang	19.08.2000	3,09	0	88	3,09	4.450.000	
Tổng lớp:									29.900.000	
Lớp: ĐTV60ĐH										
1	82478	Đinh Thị Huyền	Diệu	21.10.2001	3,75	0	99	3,75	5.500.000	
2	83240	Đỗ Thị	Hồng	19.06.2001	3,88	0,05	90	3,93	5.500.000	
3	83778	Ngô Phúc	Lộc	10.05.2001	3,64	0	95	3,64	5.500.000	
4	84439	Đặng Thị Hà	Phương	05.01.2001	3,91	0	90	3,91	5.500.000	
5	85069	Nguyễn Thị	Thuận	08.05.2001	4	0	90	4	5.500.000	
6	85255	Phan Thị Huyền	Trang	15.07.2001	3,72	0	90	3,72	5.500.000	
Tổng lớp:									33.000.000	
Lớp: TĐH57ĐH										
1	68683	Nguyễn Khánh	Dư	12.01.1998	3,56	0	90	3,56	5.000.000	
2	68090	Lê Văn	Hiệp	03.05.1997	3,56	0	90	3,56	5.000.000	
3	67500	Đồng Xuân	Quyết	07.12.1998	3,69	0	80	3,69	5.000.000	
4	68188	Lại Hồng	Thắng	29.01.1998	3,47	0	80	3,47	5.000.000	
5	68124	Lê Minh	Thúy	18.09.1998	3,53	0	80	3,53	5.000.000	
6	64442	Nguyễn Xuân	Trường	17.07.1997	3,74	0	90	3,74	5.500.000	
Tổng lớp:									30.500.000	
Lớp: TĐH58ĐH										
1	75469	Trịnh Hải	Dương	11.11.1999	3,65	0	85	3,65	5.000.000	
2	75836	Vũ Văn	Duy	05.10.1999	4	0	90	4	5.500.000	
3	75080	Phạm Quang	Hà	01.01.1999	3,62	0	90	3,62	5.500.000	
4	73662	Hoàng Đình	Quý	16.03.1995	3,53	0,05	90	3,58	5.000.000	
Tổng lớp:									21.000.000	
Lớp: TĐH59ĐH										
1	77371	Lương Mạnh	Cường	04.06.2000	3,38	0	95	3,38	5.000.000	
2	78208	Đồng Mạnh	Hùng	11.10.2000	3,47	0	90	3,47	5.000.000	
3	78283	Nguyễn Thanh	Hương	23.06.2000	3,41	0	100	3,41	5.000.000	
4	78335	Hoàng Văn	Huy	13.12.2000	3,47	0	84	3,47	5.000.000	
5	78882	Vũ Đức	Long	13.10.2000	3,19	0	85	3,19	4.450.000	
6	79134	Vũ Văn	Nam	20.03.2000	3,69	0	90	3,69	5.500.000	
7	79554	Phạm Xuân	Quý	20.05.2000	3,38	0	90	3,38	5.000.000	

Tổng lớp:									34.950.000
Lớp: ĐTH60ĐH									
1	82012	Nguyễn Trọng An	10.12.2001	3,44	0	90	3,44	5.000.000	
2	82539	Phạm Tiến Dũng	18.02.2001	3,47	0	85	3,47	5.000.000	
3	84363	Vũ Quang Ninh	22.08.2001	3,18	0	80	3,18	4.450.000	
4	84666	Nguyễn Tấn Sang	14.11.2001	3,21	0	80	3,21	5.000.000	
5	85362	Nguyễn Ngọc Tú	06.07.2001	3,11	0	90	3,11	4.450.000	
6	85592	Nguyễn Xuân Vũ	18.08.2001	3,11	0	83	3,11	4.450.000	
Tổng lớp:									28.350.000
Tổng khoa: 80									420.600.000
Khoa: Khoa Đóng tàu									
Lớp: ĐTA57ĐH									
1	68957	Nguyễn Huy Cường	07.01.1998	3,75	0,05	90	3,8	5.500.000	
2	68251	Lưu Văn Tiến	15.04.1998	3,05	0	85	3,05	4.450.000	
Tổng lớp:									9.950.000
Lớp: ĐTA58ĐH									
1	75365	Phan Văn Việt	13.09.1999	3,45	0	90	3,45	5.000.000	
Tổng lớp:									5.000.000
Lớp: ĐTA59ĐH									
1	78379	Vũ Bảo Huy	26.02.2000	2,89	0	83	2,89	4.450.000	
Tổng lớp:									4.450.000
Lớp: ĐTA60ĐH									
1	85531	Phạm Thị Vi	25.10.2001	3,25	0,05	90	3,3	5.000.000	
Tổng lớp:									5.000.000
Lớp: VTT57ĐH									
1	68829	Nguyễn Thị Hải	21.01.1998	3,7	0,05	95	3,75	5.500.000	
1	68016	Lê Khánh Linh	18.11.1998	3,75	0,00	95	3,75	5.500.000	
Tổng lớp:									11.000.000
Lớp: VTT59ĐH									
1	77273	Ngô Thị Ngọc Bích	03.02.2000	3,9	0,05	95	3,95	5.500.000	
Tổng lớp:									5.500.000
Lớp: VTT60ĐH									
1	84812	Nguyễn Văn Thắng	25.10.2000	2,61	0	85	2,61	4.450.000	
Tổng lớp:									4.450.000
Tổng khoa: 9									45.350.000
Khoa: Khoa Hàng hải									
Lớp: ĐKT57ĐH									
1	68659	Nguyễn Văn Ánh	18.08.1997	3,42	0	95	3,42	5.000.000	
2	67964	Lê Đức Bình	06.10.1998	3,45	0,15	95	3,6	5.500.000	
3	69947	Trần Thế Dũng	17.11.1998	3,71	0,05	95	3,76	5.500.000	
4	67645	Đặng Minh Thức	15.10.1998	3,36	0	95	3,36	5.000.000	
5	67216	Cao Văn Tiên	07.03.1998	3,47	0	95	3,47	5.000.000	

6	67533	Đoàn Văn	Trường	30.01.1998	4	0	95	4	5.500.000
7	69646	Phạm Minh	Tuấn	17.11.1998	3,44	0	95	3,44	5.000.000
8	70513	Vũ Thanh	Tuấn	20.07.1997	3,42	0	85	3,42	5.000.000
Tổng lớp:									41.500.000
Lớp: ĐKT58ĐH									
1	75817	Vũ Hồng	Biển	28.02.1999	3,47	0,15	92	3,62	5.500.000
2	73742	Lương Công	Chứ	20.06.1999	3,53	0	92	3,53	5.000.000
3	75514	Trần Văn	Hiện	06.11.1999	3,64	0	96	3,64	5.500.000
4	75134	Phạm Văn	Hùng	01.05.1999	3,26	0,05	90	3,31	5.000.000
5	75267	Phạm Khắc	Sỹ	07.07.1999	3,44	0,15	92	3,59	5.000.000
6	73168	Chu Quang	Thoại	17.06.1997	3,25	0	82	3,25	5.000.000
Tổng lớp:									31.000.000
Lớp: ĐKT59ĐH									
1	77002	Hồ Đức	An	26.05.2000	3,46	0,05	80	3,51	5.000.000
2	77602	Lê Trọng	Đạt	18.10.2000	3,78	0	90	3,78	5.500.000
3	78026	Nguyễn Trung	Hiếu	29.07.2000	4	0	100	4	5.500.000
4	78484	Trương Bá	Khoa	31.08.2000	3,5	0	90	3,5	5.000.000
5	78801	Nguyễn Hữu	Long	23.11.2000	3,68	0,05	95	3,73	5.500.000
6	79041	Phạm Văn	Minh	19.03.1998	3,63	0	90	3,63	5.500.000
7	79981	Trần Xuân	Thường	19.05.2000	3,5	0	90	3,5	5.000.000
8	80037	Trần Việt	Toàn	04.10.2000	3,67	0	90	3,67	5.500.000
9	80449	Bùi Công	Vương	24.12.2000	3,68	0	85	3,68	5.000.000
Tổng lớp:									47.500.000
Lớp: ĐKT60ĐH									
1	82680	Bùi Tiến	Đạt	05.09.2001	3,83	0	95	3,83	5.500.000
2	82695	Hoàng Văn	Đạt	12.12.2001	3,5	0	95	3,5	5.000.000
3	83237	Nguyễn Văn	Học	19.03.2001	3,69	0	95	3,69	5.500.000
4	83601	Phan Trung	Kiên	23.07.2001	3,47	0	95	3,47	5.000.000
5	84087	Đặng Trần Thuận	Nam	29.12.2001	3,56	0	90	3,56	5.000.000
6	84089	Đỗ Duy	Nam	02.11.2001	3,59	0	90	3,59	5.000.000
7	84603	Trần Ngọc	Quý	13.08.2001	3,5	0	95	3,5	5.000.000
8	84611	Dương Văn	Quyền	01.02.2001	3,94	0	95	3,94	5.500.000
9	85326	Đình Quang	Trường	05.12.2001	3,67	0	95	3,67	5.500.000
Tổng lớp:									47.000.000
Lớp: LHH58ĐH									
1	75489	Trần Văn	Đạt	19.08.1999	3,8	0	90	3,8	5.500.000
2	74256	Nguyễn Ngọc	Hà	04.12.1999	3,82	0,05	100	3,87	5.500.000
3	75149	Phạm Thị Diệu	Hương	10.11.1998	3,6	0	90	3,6	5.500.000
4	74927	Nguyễn Thị Tố	Uyên	04.06.1999	3,53	0	89	3,53	5.000.000
Tổng lớp:									21.500.000
Lớp: LHH59ĐH									
1	74021	Nguyễn Bùi Phương	Anh	26.04.1999	3,83	0	90	3,83	5.500.000

2	77182	Trần Hà	Anh	22.02.2000	3,86	0	90	3,86	5.500.000	
3	78293	Nguyễn Thu	Hương	29.01.2000	3,65	0,05	90	3,7	5.500.000	
4	78533	Bùi Thanh	Lam	18.07.2000	3,86	0	90	3,86	5.500.000	
5	78649	Nguyễn Thị Thùy	Linh	29.06.2000	3,79	0	90	3,79	5.500.000	
6	80277	Nguyễn Khắc	Tuệ	18.02.2000	3,7	0	90	3,7	5.500.000	
Tổng lớp:									33.000.000	
Lớp: LHH60ĐH										
1	82552	Bùi Tùng	Dương	06.04.2001	3,64	0	90	3,64	5.500.000	
2	82909	Trần Thị Thanh	Hà	02.01.2001	3,63	0	90	3,63	5.500.000	
3	83477	Kheo Thị Thu	Huyền	16.02.2001	3,63	0	90	3,63	5.500.000	
4	83733	Phạm Hoàng	Linh	22.10.2001	3,82	0,05	92	3,87	5.500.000	
5	84777	Nguyễn Thị	Thắm	22.04.2001	3,87	0	95	3,87	5.500.000	
6	85357	Đỗ Thị Cẩm	Tú	20.01.2001	3,79	0	90	3,79	5.500.000	
Tổng lớp:									33.000.000	
Lớp: QHH60ĐH										
1	82806	Nguyễn Văn	Đức	06.06.2001	3,91	0,05	97	3,96	5.500.000	
2	83189	Đỗ Nhật	Hoàng	03.12.2001	3,56	0,05	90	3,61	5.500.000	
3	84903	Đoàn Phương	Thảo	05.07.2001	3,91	0	90	3,91	5.500.000	
Tổng lớp:									16.500.000	
Tổng khoa: 51									271.000.000	
Khoa: Khoa Kinh tế										
Lớp: KTB58ĐH										
1	74032	Nguyễn Ngọc	Anh	16.12.1999	3,94	0	90	3,94	5.500.000	
2	74095	Nguyễn Thị	Bảo	06.10.1999	4	0	95	4	5.500.000	
3	74142	Nguyễn Thị Mỹ	Dung	13.11.1999	3,94	0	90	3,94	5.500.000	
4	73046	Bùi Thị Thanh	Huyền	28.12.1999	4	0	95	4	5.500.000	
5	73396	Đoàn Thuỳ	Linh	30.07.1999	4	0	95	4	5.500.000	
6	74510	Nguyễn Thị Phương	Linh	13.09.1999	4	0	95	4	5.500.000	
7	74685	Nguyễn Thị Hà	Phương	13.12.1999	4	0	90	4	5.500.000	
8	75676	Trương Hà	Phương	10.08.1999	3,94	0	90	3,94	5.500.000	
9	74758	Nguyễn Thị Thu	Thanh	28.01.1999	4	0	90	4	5.500.000	
10	74871	Nguyễn Thị	Trang	17.11.1999	4	0	90	4	5.500.000	
11	74858	Nguyễn Thị Thu	Trang	09.09.1999	4	0	95	4	5.500.000	
12	74926	Nguyễn Thị Phương	Uyên	20.02.1999	4	0	90	4	5.500.000	
13	74956	Nguyễn Hải	Yến	09.11.1999	4	0	90	4	5.500.000	
Tổng lớp:									71.500.000	
Lớp: KTB59ĐH										
1	77124	Nguyễn Thị Minh	Anh	08.10.2000	3,94	0	92	3,94	5.500.000	
2	77241	Phạm Thị Ngọc	Ánh	10.10.2000	3,87	0	95	3,87	5.500.000	
3	77472	Lương Thị Thùy	Dương	26.02.2000	4	0	95	4	5.500.000	
4	78071	Phạm Thanh	Hoa	05.03.2000	3,8	0	95	3,8	5.500.000	
5	78084	Phạm Thị Minh	Hòa	16.08.2000	3,93	0	92	3,93	5.500.000	

6	78659	Nguyễn Vũ Ngọc	Linh	28.06.2000	3,81	0	93	3,81	5.500.000	
7	78669	Phạm Thị Mai	Linh	25.05.2000	3,87	0	92	3,87	5.500.000	
8	78725	Nguyễn Công	Lộc	10.06.2000	4	0	95	4	5.500.000	
9	78822	Nguyễn Văn Đức	Long	12.12.2000	3,83	0	94	3,83	5.500.000	
10	78929	Đỗ Thị	Lý	14.10.2000	3,89	0	95	3,89	5.500.000	
11	79215	Nguyễn Thị Hồng	Ngọc	05.06.2000	4	0	95	4	5.500.000	
12	79345	Nguyễn Kỳ	Oanh	01.01.2000	3,83	0	92	3,83	5.500.000	
13	79771	Đoàn Ngọc	Thanh	04.10.2000	3,83	0	95	3,83	5.500.000	
14	80133	Phùng Thu	Trang	31.12.2000	4	0	92	4	5.500.000	
Tổng lớp:									77.000.000	
Lớp: KTB60ĐH										
1	82205	Phạm Nhật	Anh	06.11.2001	3,89	0	90	3,89	5.500.000	
2	82361	Đặng Kim	Chi	16.02.2001	3,92	0	90	3,92	5.500.000	
3	82958	Lại Thúy	Hằng	22.04.2001	3,75	0	90	3,75	5.500.000	
4	83158	Đặng Thái	Hoa	12.06.2001	3,92	0	90	3,92	5.500.000	
5	84075	Vũ Thị Trà	My	16.09.2001	3,86	0	90	3,86	5.500.000	
6	84195	Đoàn Thị Bích	Ngọc	01.06.2001	3,82	0,05	98	3,87	5.500.000	
7	84271	Nguyễn Thị Thanh	Nhàn	02.11.2001	3,82	0	90	3,82	5.500.000	
8	84472	Nguyễn Thị Thanh	Phượng	16.10.2001	3,85	0	95	3,85	5.500.000	
9	84518	Phạm Thị Hồng	Phượng	21.07.2001	3,93	0	92	3,93	5.500.000	
10	85339	Nguyễn Quang	Trường	19.01.2001	3,79	0	90	3,79	5.500.000	
11	85355	Đào Anh	Tú	18.11.2001	3,73	0	90	3,73	5.500.000	
Tổng lớp:									60.500.000	
Lớp: KTN58ĐH										
1	75010	Phạm Vân	Anh	05.11.1999	4	0	90	4	5.500.000	
2	74133	Nguyễn Bùi Ngọc	Diệp	01.11.1999	3,89	0	90	3,89	5.500.000	
3	75079	Phạm Mỹ	Hà	16.10.1999	3,82	0,05	95	3,87	5.500.000	
4	73845	Lương Quốc	Khánh	30.08.1999	4	0	90	4	5.500.000	
5	68004	Lê Thị Thùy	Linh	18.08.1998	3,89	0	90	3,89	5.500.000	
6	74487	Ngô Thùy	Linh	17.02.1999	3,89	0	90	3,89	5.500.000	
7	75941	Vũ Thị Thúy	Mai	08.01.1999	3,91	0	90	3,91	5.500.000	
8	75303	Phạm Phương	Thùy	16.12.1999	3,91	0	90	3,91	5.500.000	
9	73939	Lê Thị Thùy	Trang	13.01.1999	4	0	90	4	5.500.000	
10	74862	Nguyễn Thị Thu	Trang	19.04.1999	4	0	90	4	5.500.000	
Tổng lớp:									55.000.000	
Lớp: KTN59ĐH										
1	77247	Nguyễn Ngọc	Ba	30.03.2000	4	0	90	4	5.500.000	
2	78100	Phạm Minh	Hoàn	06.04.2000	3,81	0	91	3,81	5.500.000	
3	78134	Nguyễn Mạnh	Hoàng	04.10.2000	3,88	0,05	95	3,93	5.500.000	
4	78678	Tạ Phương	Linh	29.10.2000	4	0	92	4	5.500.000	
5	79769	Đỗ Phương	Thanh	22.09.2000	4	0	91	4	5.500.000	
6	79787	Nguyễn Thị	Thanh	28.07.2000	3,94	0	92	3,94	5.500.000	

7	79948	Hà Minh	Thu	06.12.2000	3,81	0	98	3,81	5.500.000	
8	80157	Đinh Thị Tuyết	Trình	28.05.2000	3,83	0	90	3,83	5.500.000	
9	80376	Vũ Thị Cẩm	Vân	01.10.2000	3,91	0	90	3,91	5.500.000	
Tổng lớp:									49.500.000	
Lớp: KTN60ĐH										
1	82836	Nguyễn Hương	Giang	18.09.2001	4	0,05	95	4,05	5.500.000	
2	82851	Trần Thị Thủy	Giang	04.05.2001	3,92	0	90	3,92	5.500.000	
3	82993	Nguyễn Thị Mỹ	Hạnh	13.05.2001	4	0,05	95	4,05	5.500.000	
4	83008	Tô Thanh	Hào	02.03.2001	3,92	0	90	3,92	5.500.000	
5	83247	Phạm Thị	Hồng	09.06.2001	3,93	0	90	3,93	5.500.000	
6	83625	Nguyễn Thanh	Lâm	29.10.2001	3,94	0	95	3,94	5.500.000	
7	84300	Nguyễn Thị Yến	Nhi	05.08.2001	4	0	90	4	5.500.000	
8	84323	Bùi Thị Hồng	Nhung	28.05.2001	4	0	95	4	5.500.000	
9	84496	Trịnh Thị Mai	Phượng	18.08.2001	3,79	0,05	97	3,84	5.500.000	
10	84919	Ngô Trần Thu	Thảo	25.06.2001	3,9	0	95	3,9	5.500.000	
11	85481	Nguyễn Thị Thu	Uyên	24.01.2001	3,92	0	95	3,92	5.500.000	
Tổng lớp:									60.500.000	
Lớp: KTT58ĐH										
1	74328	Ngô Thị Thúy	Hằng	02.07.1999	3,57	0,05	95	3,62	5.500.000	
2	75219	Phạm Anh	Ngọc	08.05.1999	3,75	0	90	3,75	5.500.000	
3	75277	Phạm Thị Tĩnh	Tâm	25.11.1998	3,71	0	96	3,71	5.500.000	
4	74813	Nguyễn Minh	Thúy	14.12.1999	3,74	0	90	3,74	5.500.000	
Tổng lớp:									22.000.000	
Lớp: KTT59ĐH										
1	77101	Nguyễn Lê Ngọc	Anh	06.03.2000	3,83	0	90	3,83	5.500.000	
2	77798	Phạm Thị Thu	Hà	14.05.2000	3,67	0	90	3,67	5.500.000	
3	79042	Phan Văn	Minh	26.05.2000	3,63	0	90	3,63	5.500.000	
4	79421	Đinh Thị	Phượng	09.01.2000	3,6	0	90	3,6	5.500.000	
5	79478	Vũ Thị Bích	Phượng	15.06.2000	3,67	0	90	3,67	5.500.000	
6	79700	Vũ Đức	Tâm	10.09.2000	3,82	0,05	95	3,87	5.500.000	
Tổng lớp:									33.000.000	
Lớp: KTT60ĐH										
1	82467	Đào Thị Ngọc	Diệp	26.04.2001	3,57	0	93	3,57	5.000.000	
2	82891	Nguyễn Thị Thu	Hà	13.10.2001	3,5	0	95	3,5	5.000.000	
3	83640	Nguyễn Thị	Lan	10.01.2001	3,64	0	90	3,64	5.500.000	
4	85188	Bùi Thị Hà	Trang	18.03.2001	3,55	0	94	3,55	5.000.000	
Tổng lớp:									20.500.000	
Lớp: LQC58ĐH										
1	74060	Nguyễn Thị Phượng	Anh	29.11.1999	4	0	90	4	5.500.000	
2	73302	Đỗ Thị Ngọc	Hà	02.01.1999	3,76	0,05	95	3,81	5.500.000	
3	74588	Nguyễn Hoàng	Nam	14.10.1999	4	0	90	4	5.500.000	
4	75951	Vũ Hoàng	Nam	13.11.1999	3,93	0	95	3,93	5.500.000	

5	75646	Trịnh Thị Kim	Ngân	07.01.1999	4	0	90	4	5.500.000	
6	74626	Nguyễn Thị	Ngọc	31.10.1999	4	0	90	4	5.500.000	
7	73443	Đặng Thị Hồng	Nhung	18.07.1999	3,9	0	90	3,9	5.500.000	
8	75986	Vũ Thị Xuân	Quỳnh	27.09.1999	4	0,05	95	4,05	5.500.000	
9	73487	Đồng Thị Hào	Tâm	08.01.1999	3,76	0,05	95	3,81	5.500.000	
10	76011	Vũ Hải	Thành	11.10.1999	3,82	0	95	3,82	5.500.000	
11	73940	Lê Thị	Trang	11.05.1999	3,94	0	90	3,94	5.500.000	
12	74011	Mai Huyền	Trang	16.11.1999	3,82	0	90	3,82	5.500.000	
Tổng lớp:									66.000.000	
Lớp: LQC59ĐH										
1	77171	Phạm Tú	Anh	29.12.2000	4	0	90	4	5.500.000	
2	77199	Trần Thị Phương	Anh	24.04.1999	4	0,05	95	4,05	5.500.000	
3	77781	Ngô Thu	Hà	08.04.2000	4	0	90	4	5.500.000	
4	77797	Phạm Thị	Hà	11.03.2000	4	0	90	4	5.500.000	
5	77896	Nguyễn Thị	Hạnh	08.05.2000	4	0	90	4	5.500.000	
6	78548	Trần Thanh	Lâm	04.03.2000	4	0	90	4	5.500.000	
7	79189	Đinh Mỹ	Ngọc	17.12.2000	4	0	90	4	5.500.000	
8	79235	Trịnh Thị Ninh	Ngọc	23.08.2000	4	0	90	4	5.500.000	
9	79386	Vũ Xuân	Phú	06.06.2000	4	0	90	4	5.500.000	
10	79441	Ngô Thị	Phượng	19.03.2000	4	0	90	4	5.500.000	
11	80000	Lê Thị	Thủy	13.03.2000	4	0	90	4	5.500.000	
Tổng lớp:									60.500.000	
Lớp: LQC60ĐH										
1	82027	Bùi Lan	Anh	10.11.2001	4	0	90	4	5.500.000	
2	82673	Phạm Đàm Hải	Đặng	26.10.2001	3,86	0,05	95	3,91	5.500.000	
3	82794	Nguyễn Hồng	Đức	27.01.2001	3,92	0	95	3,92	5.500.000	
4	82872	Dương Thị Thu	Hà	11.02.2001	4	0	90	4	5.500.000	
5	83294	Đỗ Đức	Hưng	23.11.2001	4	0	90	4	5.500.000	
6	83637	Hoàng Yến	Lan	15.10.2001	3,9	0,05	95	3,95	5.500.000	
7	83701	Ngô Thị Diệu	Linh	11.11.2001	4	0	90	4	5.500.000	
8	83895	Lê Thị Ngọc	Mai	09.09.2001	4	0	95	4	5.500.000	
9	84233	Phạm Minh	Ngọc	13.11.2001	4	0,05	95	4,05	5.500.000	
10	85084	Phùng Thị	Thương	01.12.2000	4	0	90	4	5.500.000	
11	85472	Đỗ Thảo	Uyên	04.04.2001	4	0	90	4	5.500.000	
12	85480	Nguyễn Thị Thu	Uyên	03.03.2001	4	0	90	4	5.500.000	
13	85534	Trần Đỗ Hà	Vi	09.09.2001	4	0,05	95	4,05	5.500.000	
Tổng lớp:									71.500.000	
Tổng khoa: 118									647.500.000	
Khoa: Khoa Máy tàu biển										
Lớp: MCN58ĐH										
1	76414	Đặng Văn	Nhân	22.06.1999	3,78	0	100	3,78	5.500.000	
Tổng lớp:									5.500.000	

Lớp: MCN59ĐH									
1	77323	Lương Đình	Chiến	18.05.2000	3,47	0	85	3,47	5.000.000
2	79123	Phạm Xuân	Nam	10.12.2000	3,42	0,05	90	3,47	5.000.000
3	80186	Phạm Thành	Trung	13.12.2000	3,77	0	80	3,77	5.000.000
Tổng lớp:									15.000.000
Lớp: MCN60ĐH									
1	83616	Đỗ Quang	Lâm	23.02.2001	3,57	0	92	3,57	5.000.000
2	85054	Trần Xuân	Thư	14.07.2001	3,79	0	93	3,79	5.500.000
3	85581	Vũ Văn	Vinh	25.11.2001	3,57	0	92	3,57	5.000.000
Tổng lớp:									15.500.000
Lớp: MKT57ĐH									
1	70641	Mai Đăng	Đang	13.10.1998	3,56	0	100	3,56	5.000.000
2	67574	Đặng Huy	Hiệu	21.05.1998	3,57	0	100	3,57	5.000.000
3	69464	Phạm Đức	Khánh	24.08.1998	3,48	0	100	3,48	5.000.000
4	69237	Nguyễn Hữu	Ngọc	15.11.1997	3,64	0	100	3,64	5.500.000
5	69032	Nguyễn Ngọc	Trưởng	23.01.1997	3,61	0	100	3,61	5.500.000
Tổng lớp:									26.000.000
Lớp: MKT58ĐH									
1	73255	Đinh Văn	Cương	05.10.1999	3,36	0,05	92	3,41	5.000.000
2	74248	Nguyễn Trường	Giang	13.08.1998	3,48	0	93	3,48	5.000.000
3	73358	Đoàn Văn	Hướng	25.02.1999	3,79	0,05	97	3,84	5.500.000
Tổng lớp:									15.500.000
Lớp: MKT59ĐH									
1	77011	Nguyễn Thành	An	12.06.2000	2,83	0,03	85	2,86	4.450.000
2	77755	Phí Hữu Hưng	Giang	30.03.2000	3,08	0,05	90	3,13	4.450.000
3	79094	Lê Tiến	Nam	20.01.2000	3,75	0,05	90	3,8	5.500.000
Tổng lớp:									14.400.000
Lớp: MKT60ĐH									
1	82612	Trịnh Quang	Dương	21.09.2001	3,25	0	90	3,25	5.000.000
2	82866	Bùi Văn	Hà	16.06.2001	3,68	0,03	95	3,71	5.500.000
3	82928	Nguyễn Đức	Hải	30.03.2001	3,6	0,03	95	3,63	5.500.000
Tổng lớp:									16.000.000
Lớp: MTT57ĐH									
1	70375	Vũ Đình	Nam	16.01.1998	3,95	0	92	3,95	5.500.000
2	69293	Nguyễn Quyết	Thắng	26.10.1998	3,55	0	93	3,55	5.000.000
Tổng lớp:									10.500.000
Lớp: MTT58ĐH									
1	75172	Phạm Vũ Gia	Lâm	31.07.1999	3,12	0	88	3,12	4.450.000
Tổng lớp:									4.450.000
Lớp: MTT59ĐH									
1	77408	Vũ Hữu	Diệu	09.02.2000	3,5	0	94	3,5	5.000.000
2	78745	Đào Hoàng	Long	25.04.2000	3,5	0	94	3,5	5.000.000

Tổng lớp:									10.000.000
Lớp: MTT60ĐH									
1	83414	Nguyễn Duy	Huy	16.10.2001	3,84	0	95	3,84	5.500.000
2	83941	Nguyễn Văn	Mạnh	24.08.2001	3,82	0,05	95	3,87	5.500.000
Tổng lớp:									11.000.000
Tổng khoa: 28									143.850.000
Khoa: Khoa Ngoại ngữ									
Lớp: ATM58ĐH									
1	74289	Nguyễn Thu	Hiền	16.12.1999	3,43	0	89	3,43	5.000.000
2	74539	Nguyễn Thị Cẩm	Ly	15.11.1999	3,23	0	83	3,23	5.000.000
3	75279	Phạm Thanh	Tâm	01.04.1999	3,4	0	99	3,4	5.000.000
4	73922	Lê Thị Phương	Thảo	20.10.1999	3,15	0,05	98	3,2	5.000.000
Tổng lớp:									20.000.000
Lớp: ATM59ĐH									
1	78083	Nguyễn Thị	Hòa	20.12.2000	3,72	0	88	3,72	5.000.000
2	78453	Hoàng Hải	Khánh	09.12.2000	3,78	0	86	3,78	5.000.000
3	78542	Ngô Tùng	Lâm	01.10.2000	3,73	0	85	3,73	5.000.000
4	79998	Đoàn Ngọc	Thủy	20.01.2000	3,77	0	90	3,77	5.500.000
5	80150	Vũ Thiên	Trang	31.12.1999	3,75	0	85	3,75	5.000.000
Tổng lớp:									25.500.000
Lớp: ATM60ĐH									
1	82268	Vũ Văn	Anh	08.10.2001	3,58	0	89	3,58	5.000.000
2	83371	Đỗ Khánh	Hường	24.01.2001	3,45	0	81	3,45	5.000.000
3	83435	Nguyễn Xuân	Huy	19.09.2001	3,36	0,05	91	3,41	5.000.000
4	83619	Hoàng Đức	Lâm	20.08.2001	4	0	90	4	5.500.000
5	83712	Nguyễn Phương	Linh	14.10.2001	3,61	0	90	3,61	5.500.000
6	83876	Nguyễn Ngọc	Ly	25.12.2001	3,61	0	81	3,61	5.000.000
7	85192	Đặng Thu	Trang	13.04.2001	3,43	0	82	3,43	5.000.000
Tổng lớp:									36.000.000
Lớp: NNA58ĐH									
1	74090	Nguyễn Đức	Bình	02.09.1999	3,3	0	83	3,3	5.000.000
2	74228	Ngô Tiến	Đạt	09.09.1999	3,43	0,03	99	3,46	5.000.000
3	75103	Phạm Thị	Hằng	12.06.1999	3,35	0	89	3,35	5.000.000
4	75252	Phạm Thị	Phương	28.04.1999	3,53	0	81	3,53	5.000.000
5	74797	Nguyễn Thị	Thảo	27.03.1999	3,18	0,15	98	3,33	5.000.000
Tổng lớp:									25.000.000
Lớp: NNA59ĐH									
1	78493	Đào Trung	Kiên	16.01.2000	3,8	0	90	3,8	5.500.000
2	78849	Phạm Xuân Hoàng	Long	13.02.2000	3,77	0,05	100	3,82	5.500.000
3	79044	Trần Bình	Minh	21.05.2000	3,75	0	90	3,75	5.500.000
4	79497	Lê Văn	Quân	31.10.2000	3,67	0	90	3,67	5.500.000
5	79956	Bùi Thanh	Thư	18.11.2000	3,58	0	89	3,58	5.000.000

Tổng lớp:									27.000.000
Lớp: NNA60ĐH									
1	82187	Nguyễn Văn	Anh	08.06.2001	3,26	0	90	3,26	5.000.000
2	82267	Vũ Tùng	Anh	12.07.2001	3,18	0	84	3,18	4.450.000
3	83169	Mai Thu	Hòa	14.05.2001	3,26	0	89	3,26	5.000.000
4	84153	Lâm Khánh	Ngân	20.02.2001	3,26	0	89	3,26	5.000.000
5	85224	Nguyễn Quỳnh	Trang	22.07.2001	3,21	0	83	3,21	5.000.000
6	85287	Nguyễn Thị Huyền	Trình	05.01.2001	3,24	0	83	3,24	5.000.000
Tổng lớp:									29.450.000
Tổng khoa: 32									162.950.000
Khoa: Khoa Quản trị - Tài chính									
Lớp: QKD58ĐH									
1	75853	Vũ Hà	Giang	12.08.1999	3,68	0	82	3,68	5.000.000
2	74414	Nguyễn Thị Thu	Huyền	23.11.1999	3,66	0,05	92	3,71	5.500.000
3	75175	Phan Nhật	Linh	27.09.1999	3,68	0	82	3,68	5.000.000
4	74806	Ngô Thị Hà	Thu	09.12.1999	4	0	82	4	5.000.000
5	73122	Bùi Thị	Trang	15.10.1999	3,76	0	82	3,76	5.000.000
6	73973	Lương Thị Hồng	Xa	10.07.1999	3,74	0	83	3,74	5.000.000
7	75794	Trịnh Thị Hoàng	Yến	20.02.1999	3,85	0	82	3,85	5.000.000
Tổng lớp:									35.500.000
Lớp: QKD59ĐH									
1	77245	Vũ Ngọc	Ánh	29.08.2000	3,93	0,05	92	3,98	5.500.000
2	78396	Hồ Khánh	Huyền	24.07.2000	3,77	0	90	3,77	5.500.000
3	78958	Vũ Thị	Mai	11.07.2000	3,9	0	90	3,9	5.500.000
4	79198	Lê Thị	Ngọc	01.02.2000	4	0	90	4	5.500.000
5	79518	Đoàn Văn	Quang	29.09.2000	3,8	0	90	3,8	5.500.000
6	79695	Nguyễn Thị	Tâm	01.10.2000	3,77	0	90	3,77	5.500.000
7	80326	Lương Ánh	Tuyết	30.10.2000	3,92	0	90	3,92	5.500.000
Tổng lớp:									38.500.000
Lớp: QKD60ĐH									
1	82155	Nguyễn Thị Lan	Anh	21.07.2001	3,61	0	81	3,61	5.000.000
2	82154	Nguyễn Thị Lan	Anh	13.08.2001	4	0	82	4	5.000.000
3	82900	Phạm Thu	Hà	03.01.2001	3,64	0	90	3,64	5.500.000
4	83321	Bùi Thu	Hương	04.12.2001	4	0	82	4	5.000.000
5	83907	Nguyễn Thị Tuyết	Mai	21.01.2001	3,82	0	82	3,82	5.000.000
6	84171	Vũ Thanh	Ngân	08.05.2001	3,58	0	88	3,58	5.000.000
7	84333	Nguyễn Thị Cẩm	Nhung	08.01.2001	3,71	0	90	3,71	5.500.000
8	85630	Hoàng Thị	Yến	19.02.2001	3,75	0	90	3,75	5.500.000
Tổng lớp:									41.500.000
Lớp: QKT58ĐH									
1	73206	Đỗ Ngọc Quế	Anh	03.11.1999	3,84	0,05	92	3,89	5.500.000
2	74056	Nguyễn Thị Phương	Anh	06.08.1999	4	0	82	4	5.000.000

3	75829	Vũ Thị Diệp	09.10.1999	4	0	82	4	5.000.000
4	75527	Trần Thanh Hằng	10.11.1999	3,91	0	82	3,91	5.000.000
5	75982	Vũ Hương Quỳnh	23.10.1999	4	0	82	4	5.000.000
6	74776	Nguyễn Văn Thắng	28.01.1999	3,88	0	90	3,88	5.500.000
7	73691	Hoàng Thị Trinh	25.02.1999	3,88	0,05	100	3,93	5.500.000
Tổng lớp:								36.500.000
Lớp: QKT59ĐH								
1	77033	Đàm Thị Phương Anh	23.06.2000	3,9	0	82	3,9	5.000.000
2	77231	Đồng Thị Bảo Ánh	30.10.2000	4	0	90	4	5.500.000
3	78308	Lương Thị Hường	29.11.2000	3,8	0	82	3,8	5.000.000
4	78409	Nguyễn Thị Khánh Huyền	27.06.2000	3,89	0	82	3,89	5.000.000
5	79166	Nguyễn Thị Thu Ngân	06.07.2000	4	0	82	4	5.000.000
6	79236	Trương Thị Minh Ngọc	22.12.2000	3,83	0	82	3,83	5.000.000
7	79311	Lê Phương Nhung	16.12.2000	3,92	0	82	3,92	5.000.000
8	79479	Vũ Thị Phương	10.02.2000	3,83	0	82	3,83	5.000.000
9	79484	Chu Thị Minh Phương	29.10.2000	3,9	0	82	3,9	5.000.000
10	80062	Cồ Thị Phương Trang	03.07.2000	3,8	0	82	3,8	5.000.000
11	80336	Lưu Lê Uyên	27.10.2000	4	0	82	4	5.000.000
12	80352	Đỗ Thị Thúy Vân	17.04.2000	3,83	0	82	3,83	5.000.000
13	80435	Nguyễn Mạnh Vũ	23.03.2000	4	0,05	100	4,05	5.500.000
Tổng lớp:								66.000.000
Lớp: QKT60ĐH								
1	82222	Phan Phương Anh	13.08.2001	3,71	0	89	3,71	5.000.000
2	82376	Nguyễn Phương Chi	07.08.2001	3,86	0	82	3,86	5.000.000
3	82840	Nguyễn Thùy Giang	21.10.2001	3,7	0,05	92	3,75	5.500.000
4	83381	Vũ Thanh Hường	15.07.2000	3,93	0	81	3,93	5.000.000
5	83468	Đàm Thị Thu Huyền	09.07.2001	3,71	0	82	3,71	5.000.000
6	84186	Nguyễn Thị Ngoan	18.08.2001	3,89	0	82	3,89	5.000.000
7	84549	Trần Hồng Quân	23.11.2001	3,86	0	82	3,86	5.000.000
8	85046	Mai Thị Quỳnh Thư	01.05.2000	3,71	0	90	3,71	5.500.000
9	85189	Cao Thị Huyền Trang	23.03.2001	4	0,05	100	4,05	5.500.000
10	85452	Dương Thị Hồng Tươi	18.12.2001	3,88	0	82	3,88	5.000.000
Tổng lớp:								51.500.000
Lớp: TCH58ĐH								
1	75907	Vũ Thu Huyền	18.06.1999	3,64	0,05	100	3,69	5.500.000
2	73651	Hoàng Thị Hồng Nhung	18.02.1999	3,77	0	90	3,77	5.500.000
3	75285	Phạm Thị Thanh Thanh	06.09.1999	3,67	0	90	3,67	5.500.000
Tổng lớp:								16.500.000
Lớp: TCH59ĐH								
1	78304	Vũ Thu Hương	25.01.2000	3,6	0	90	3,6	5.500.000
2	78718	Trần Thanh Loan	29.08.2000	4	0,05	100	4,05	5.500.000
3	79349	Tăng Thị Kiều Oanh	21.09.2000	3,57	0	81	3,57	5.000.000

4	80493	Nguyễn Hải	Yến	08.04.2000	3,38	0	99	3,38	5.000.000	
Tổng lớp:									21.000.000	
Lớp: TCH60ĐH										
1	82055	Đinh Thị Phương	Anh	08.11.2001	3,46	0	81	3,46	5.000.000	
2	82596	Nguyễn Thùy	Dương	07.03.2001	3,71	0	82	3,71	5.000.000	
3	84077	Đỗ Thị	Mỹ	30.08.2001	3,64	0	82	3,64	5.000.000	
4	85473	Hoàng Thu	Uyên	07.09.2001	3,75	0	82	3,75	5.000.000	
Tổng lớp:									20.000.000	
Tổng khoa: 63									327.000.000	
Khoa: Viện Cơ khí										
Lớp: CĐT57ĐH										
1	63976	Trần Quang	Tuyển	27.03.1997	4	0	95	4	5.500.000	
2	69949	Trần Quang	Vũ	22.04.1998	3,86	0	93	3,86	5.500.000	
Tổng lớp:									11.000.000	
Lớp: CĐT58ĐH										
1	75162	Phạm Văn	Khởi	28.10.1999	3,78	0,05	95	3,83	5.500.000	
2	74005	Mai Đăng	Phương	19.10.1999	3,25	0	92	3,25	5.000.000	
3	73534	Đỗ Hồng	Tú	24.12.1999	3,19	0	89	3,19	4.450.000	
4	74938	Nguyễn Kông	Vĩ	18.02.1999	3,44	0,05	95	3,49	5.000.000	
Tổng lớp:									19.950.000	
Lớp: CĐT59ĐH										
1	77957	Tô Xuân	Hiển	30.12.2000	3,91	0	90	3,91	5.500.000	
2	78489	Đoàn Văn	Khuê	17.08.2000	4	0	90	4	5.500.000	
3	78782	Nguyễn Đức	Long	13.03.2000	3,82	0	90	3,82	5.500.000	
4	79147	Nguyễn Hữu	Ngân	16.06.2000	3,82	0	90	3,82	5.500.000	
5	80021	Tạ Xuân	Tiến	08.10.2000	3,82	0	90	3,82	5.500.000	
6	80164	Đào Hữu	Trọng	24.01.2000	3,65	0	90	3,65	5.500.000	
Tổng lớp:									33.000.000	
Lớp: CĐT60ĐH										
1	82035	Bùi Tuấn	Anh	17.03.2001	3,46	0	90	3,46	5.000.000	
2	82175	Nguyễn Thị Vân	Anh	10.02.2001	3,46	0	90	3,46	5.000.000	
3	83177	Vũ Khánh	Hòa	14.10.2001	3,89	0	92	3,89	5.500.000	
4	84320	Đỗ Tiến	Nhuận	31.10.2001	3,65	0	92	3,65	5.500.000	
5	85140	Phạm Văn	Tiến	05.02.2000	3,74	0	92	3,74	5.500.000	
Tổng lớp:									26.500.000	
Lớp: KCK57ĐH										
1	67474	Đỗ Văn	Hà	06.09.1998	3,5	0	93	3,5	5.000.000	
2	67100	Bùi Đức	Nam	23.02.1998	3,38	0	93	3,38	5.000.000	
3	63923	Lê Văn	Vĩ	28.02.1997	3,61	0	94	3,61	5.500.000	
4	68667	Nguyễn Xuân	Vinh	16.05.1998	3,83	0	94	3,83	5.500.000	
Tổng lớp:									21.000.000	
Lớp: KCK58ĐH										

1	75806	Vũ Hoàng	Anh	17.01.1998	3,76	0	85	3,76	5.000.000
2	74385	Nguyễn Quang	Hùng	07.11.1999	4	0	86	4	5.000.000
3	75586	Trần Đình	Khuê	10.12.1999	3,85	0	85	3,85	5.000.000
4	74592	Nguyễn Nhật	Nam	07.09.1999	4	0	84	4	5.000.000
Tổng lớp:									20.000.000
Lớp: KCK59ĐH									
1	78324	Đặng Quốc	Huy	15.09.2000	3,82	0	90	3,82	5.500.000
2	78460	Nguyễn Đình	Khánh	26.11.2000	3,56	0	90	3,56	5.000.000
3	78475	Vũ Ngọc	Khánh	14.09.2000	3,56	0	93	3,56	5.000.000
4	79942	Nguyễn Hoàng	Thông	04.03.2000	3,41	0	90	3,41	5.000.000
5	80002	Nguyễn Thanh	Thủy	19.06.2000	3,32	0	90	3,32	5.000.000
Tổng lớp:									25.500.000
Lớp: KCK60ĐH									
1	82713	Nguyễn Thành	Đạt	28.02.2001	3,81	0	95	3,81	5.500.000
2	85102	Trịnh Phương	Thùy	16.03.2001	3,36	0	95	3,36	5.000.000
3	85181	Trần Lin	Tơn	27.05.2001	3,41	0	95	3,41	5.000.000
4	85406	Trần Trọng	Tuấn	24.03.2001	2,79	0,05	90	2,84	4.450.000
5	85543	Đình Công	Việt	10.10.2001	3,88	0	95	3,88	5.500.000
6	85568	Ngô Ngọc	Vinh	13.11.2001	3,21	0	90	3,21	5.000.000
Tổng lớp:									30.450.000
Lớp: KNL57ĐH									
1	69731	Phạm Quang	Anh	30.04.1998	3,22	0	84	3,22	5.000.000
2	69117	Nguyễn Thế	Phong	20.12.1998	3,15	0,05	84	3,2	5.000.000
Tổng lớp:									10.000.000
Lớp: KNL58ĐH									
1	75508	Trần Quang	Hải	02.07.1999	3,58	0,05	95	3,63	5.500.000
Tổng lớp:									5.500.000
Lớp: KNL59ĐH									
1	77265	Lê Xuân	Bảo	27.01.2000	3,65	0,03	87	3,68	5.000.000
2	79020	Nguyễn Duy	Minh	21.11.2000	3,1	0,03	85	3,13	4.450.000
3	80468	Ngô Long	Vỹ	06.02.2000	3,23	0,03	86	3,26	5.000.000
Tổng lớp:									14.450.000
Lớp: KNL60ĐH									
1	83810	Lê Duy	Long	15.11.2001	2,53	0	90	2,53	4.450.000
Tổng lớp:									4.450.000
Lớp: KTO57ĐH									
1	70104	Trần Đức	Lương	27.05.1998	3,9	0	95	3,9	5.500.000
2	67530	Đồng Văn	Thái	03.08.1998	3,8	0	80	3,8	5.000.000
3	67501	Đào Duy	Tùng	14.05.1998	3,68	0	95	3,68	5.500.000
Tổng lớp:									16.000.000
Lớp: KTO58ĐH									
1	75032	Phạm Hoàng	Cương	17.04.1999	3,79	0	85	3,79	5.000.000

2	75199	Phạm Hồng	Minh	27.05.1999	3,71	0,05	85	3,76	5.000.000
3	74894	Nguyễn Minh	Trường	18.07.1999	3,69	0,05	90	3,74	5.500.000
4	75369	Phạm Văn	Vương	12.08.1999	3,69	0	85	3,69	5.000.000
Tổng lớp:									20.500.000
Lớp: KTO59ĐH									
1	78123	Nguyễn Đức	Hoàng	17.01.2000	3,65	0	95	3,65	5.500.000
2	78348	Nguyễn Hữu	Huy	11.08.2000	3,56	0	95	3,56	5.000.000
3	78366	Phạm Đức	Huy	20.08.2000	3,82	0	95	3,82	5.500.000
4	78370	Phạm Văn	Huy	03.06.2000	3,91	0	95	3,91	5.500.000
5	79390	Hà Lê	Phúc	30.05.2000	3,91	0	95	3,91	5.500.000
6	79707	Trần Văn	Tân	10.10.2000	3,56	0	95	3,56	5.000.000
7	80173	Mai Đức	Trung	26.10.2000	3,91	0	95	3,91	5.500.000
Tổng lớp:									37.500.000
Lớp: KTO60ĐH									
1	84180	Nguyễn Chí	Nghĩa	02.11.2001	3,89	0	95	3,89	5.500.000
2	84593	Vũ Văn	Quang	25.11.2001	3,92	0	95	3,92	5.500.000
3	84769	Phan Hồng	Thái	24.08.2001	3,78	0	95	3,78	5.500.000
4	85166	Nguyễn Đức	Toàn	26.08.1999	3,82	0	95	3,82	5.500.000
5	85349	Trịnh Nam	Trường	03.01.2001	3,81	0	95	3,81	5.500.000
6	85439	Nguyễn Tiến	Tùng	17.07.2001	3,65	0	95	3,65	5.500.000
Tổng lớp:									33.000.000
Lớp: MXD57ĐH									
1	69769	Phạm Hoàng	Anh	09.09.1998	3,94	0	85	3,94	5.000.000
Tổng lớp:									5.000.000
Lớp: MXD58ĐH									
1	73480	Đào Văn	Quyết	27.07.1999	3,31	0,05	89	3,36	5.000.000
Tổng lớp:									5.000.000
Lớp: MXD59ĐH									
1	78152	Phạm Văn	Hoàng	07.06.2000	3,29	0	85	3,29	5.000.000
2	79913	Đỗ Văn	Thịnh	13.03.2000	3,56	0	88	3,56	5.000.000
Tổng lớp:									10.000.000
Lớp: MXD60ĐH									
1	84402	Đỗ Quang	Phú	03.12.2000	3,36	0,05	90	3,41	5.000.000
Tổng lớp:									5.000.000
Tổng khoa: 68									353.800.000
Khoa: Viện Môi trường									
Lớp: KHD57ĐH									
1	69201	Nguyễn Thị	Ngọc	10.09.1997	3,91	0	90	3,91	5.500.000
Tổng lớp:									5.500.000
Lớp: KHD58ĐH									
1	73557	Giang Hải	Long	10.10.1999	3,85	0,05	100	3,9	5.500.000
Tổng lớp:									5.500.000

Lớp: KHD59ĐH										
1	77037	Đặng Thị Phương	Anh	22.10.2000	4	0	90	4	5.500.000	
Tổng lớp:									5.500.000	
Lớp: KHD60ĐH										
1	84477	Nguyễn Văn	Phương	08.07.2001	3,83	0	95	3,83	5.500.000	
Tổng lớp:									5.500.000	
Lớp: KMT57ĐH										
1	67491	Đào Thị Thu	Giang	04.10.1998	3,95	0	90	3,95	5.500.000	
2	67564	Đỗ Minh	Giang	27.09.1998	3,82	0,2	98	4,02	5.500.000	
3	69074	Nguyễn Thị Tuyết	Hạnh	09.12.1998	4	0,2	100	4,2	5.500.000	
4	68884	Ngô Thị	Lữ	03.08.1998	3,95	0	90	3,95	5.500.000	
Tổng lớp:									22.000.000	
Lớp: KMT58ĐH										
1	73728	Lê Nguyên	Anh	27.10.1998	4	0	90	4	5.500.000	
2	75301	Phạm Thị Hồng	Thu	23.05.1999	3,95	0,2	100	4,15	5.500.000	
3	75316	Phạm Thị Thu	Trà	09.11.1999	3,93	0	90	3,93	5.500.000	
Tổng lớp:									16.500.000	
Lớp: KMT59ĐH										
1	77196	Trần Thị Mai	Anh	03.07.2000	3,69	0,05	100	3,74	5.500.000	
2	78196	Nguyễn Thị	Huệ	10.06.2000	3,46	0	89	3,46	5.000.000	
3	79023	Nguyễn Nguyệt	Minh	10.12.2000	3,56	0	92	3,56	5.000.000	
4	79295	Trần Phương	Nhi	19.01.2000	3,57	0	89	3,57	5.000.000	
Tổng lớp:									20.500.000	
Lớp: KMT60ĐH										
1	83361	Trần Thị	Hương	03.02.2001	3,88	0,05	97	3,93	5.500.000	
2	83877	Nguyễn Thị Khánh	Ly	02.09.2001	3,91	0	93	3,91	5.500.000	
3	84267	Ngô Thị	Nhan	22.03.2001	3,9	0	90	3,9	5.500.000	
4	85087	Bùi Thị	Thúy	19.06.2001	3,94	0	90	3,94	5.500.000	
Tổng lớp:									22.000.000	
Tổng khoa:									19	103.000.000
Hệ: Đại học lớp chọn - Lớp chọn										
Khoa: Viện đào tạo chất lượng cao										
Lớp: ĐKT57CH										
1	68581	Nguyễn Minh	Hiếu	21.10.1998	3.95	0	95	3.95	5.500.000	
Tổng lớp:									5.500.000	
Lớp: ĐKT58CH										
1	75713	Trần Xuân	Thắng	12.08.1999	3.42	0	89	3.42	5.000.000	
Tổng lớp:									5.000.000	
Lớp: ĐKT59CH										
1	73817	Lê Phạm Huy	Hoàng	27.04.1999	3.39	0	90	3.39	5.000.000	
Tổng lớp:									5.000.000	
Lớp: ĐKT60CH										

1	83856	Đào Thế	Lực	31.08.2001	3.5	0	90	3.5	5.000.000
Tổng lớp:									5.000.000
Lớp: MKT57CH									
1	68773	Nguyễn Quốc	Huy	16.12.1998	3.75	0.2	95	3.95	5.500.000
Tổng lớp:									5.500.000
Lớp: MKT58CH									
1	75562	Trương Ngọc	Huy	06.06.1999	3.31	0.2	95	3.51	5.000.000
Tổng lớp:									5.000.000
Tổng hệ: 6									31.000.000
Hệ: Đại học chất lượng cao - Chương trình chất lượng cao									
Khoa: Viện đào tạo chất lượng cao									
Lớp: CNT58CL									
1	73268	Đoàn Đức Khánh	Duy	24.09.1999	3.25	0	90	3.25	5.000.000
2	74808	Nguyễn Đức	Thuận	05.09.1999	3.83	0	90	3.83	5.500.000
Tổng lớp:									10.500.000
Lớp: CNT59CL									
1	77655	Vũ Tiến	Đạt	10.09.2000	3.56	0	93	3.56	5.000.000
2	79131	Vũ Bình	Nam	10.06.2000	3.35	0	94	3.35	5.000.000
3	80030	Vũ Ngọc	Tiến	30.11.2000	3.41	0	93	3.41	5.000.000
Tổng lớp:									15.000.000
Lớp: CNT60CL									
1	83938	Nguyễn Đức	Mạnh	24.10.2001	3.71	0	88	3.71	5.000.000
2	84550	Vũ Hoàng Nam	Quân	30.08.2001	3.34	0	89	3.34	5.000.000
3	84849	Bùi Đức	Thành	14.02.2001	3.44	0	87	3.44	5.000.000
Tổng lớp:									15.000.000
Lớp: ĐTD59CL									
1	78358	Nguyễn Quang	Huy	27.10.2000	3.81	0	90	3.81	5.500.000
Tổng lớp:									5.500.000
Lớp: ĐTD60CL									
1	82436	Bùi Thế	Cường	13.10.2001	3	0	88	3	4.450.000
2	84798	Nguyễn Chiến	Thắng	03.09.2001	4	0	90	4	5.500.000
Tổng lớp:									9.950.000
Lớp: KTB58CL									
1	74392	Nguyễn Đình	Huy	21.03.1999	4	0.03	100	4.03	5.500.000
2	75155	Phùng Trung	Kỳ	18.05.1999	3.88	0.03	100	3.91	5.500.000
3	73091	Bùi Thị	Phượng	14.08.1999	3.77	0.05	100	3.82	5.500.000
Tổng lớp:									16.500.000
Lớp: KTB59CL									
1	77190	Trần Phương	Anh	28.02.2000	3.09	0	83	3.09	4.450.000
2	77214	Vũ Phương	Anh	21.10.2000	3.06	0	83	3.06	4.450.000
3	77229	Đinh Thị Hồng	Ánh	26.08.2000	3.16	0.03	93	3.19	4.450.000
4	78934	Đỗ Hiền	Mai	18.01.2000	3.19	0	83	3.19	4.450.000

Tổng lớp:									17.800.000
Lớp: KTB60CL									
1	82364	Đinh Khánh	Chi	05.05.2001	3.38	0.05	99	3.43	5.000.000
2	83669	Đinh Phương	Linh	08.12.2001	2.73	0	80	2.73	4.450.000
3	84072	Phạm Thị Trà	My	22.08.2001	3.53	0	90	3.53	5.000.000
4	84247	Trịnh Thị	Ngọc	30.10.2001	3.03	0	88	3.03	4.450.000
5	84507	Vũ Thị Lan	Phương	03.12.2001	3.1	0	88	3.1	4.450.000
6	85221	Nguyễn Lê Huyền	Trang	17.04.2001	2.74	0	88	2.74	4.450.000
Tổng lớp:									27.800.000
Lớp: KTN58CL									
1	73317	Đoàn Thanh	Hiền	25.02.1999	3.82	0	90	3.82	5.500.000
2	74498	Nguyễn Phương	Linh	24.12.1999	3.75	0	90	3.75	5.500.000
3	76400	Bùi Thị Minh	Ngọc	05.09.1999	3.76	0	90	3.76	5.500.000
4	73908	Lê Trường	Sơn	17.10.1999	3.78	0	100	3.78	5.500.000
Tổng lớp:									22.000.000
Lớp: KTN59CL									
1	77886	Đỗ Hồng	Hạnh	25.06.2000	3.61	0	90	3.61	5.500.000
2	78395	Đỗ Thị Thu	Huyền	22.08.2000	3.74	0.03	90	3.77	5.500.000
3	79015	Lương Văn	Minh	24.02.2000	3.24	0	89	3.24	5.000.000
4	79151	Bùi Thị	Ngân	22.02.2000	3.67	0	90	3.67	5.500.000
5	79961	Nguyễn Thị Kim	Thư	13.12.2000	3.1	0.03	98	3.13	4.450.000
6	79986	Nguyễn Thị Ngọc	Thúy	10.07.2000	3.55	0	89	3.55	5.000.000
7	80345	Trần Thu	Uyên	07.06.2000	3.38	0	89	3.38	5.000.000
Tổng lớp:									35.950.000
Lớp: KTN60CL									
1	82597	Nguyễn Thùy	Dương	30.09.2001	3.75	0	97	3.75	5.500.000
2	82975	Tô Mỹ	Hằng	15.10.2001	3.25	0	89	3.25	5.000.000
3	83159	Đoàn Thị	Hoa	23.06.2001	3.38	0	99	3.38	5.000.000
4	83671	Đỗ Mai	Linh	24.09.2001	3.79	0.05	100	3.84	5.500.000
5	83676	Đỗ Thùy	Linh	24.09.2001	4	0.03	100	4.03	5.500.000
6	84058	Đỗ Thị Hà	My	21.11.2001	3.3	0	99	3.3	5.000.000
7	85453	Nguyễn Thị	Tươi	26.03.2001	3.44	0.03	99	3.47	5.000.000
8	85510	Mai Khánh	Vân	02.09.2001	3.15	0.05	89	3.2	5.000.000
Tổng lớp:									41.500.000
Tổng hệ: 43									217.500.000
Tổng khoa: 49									248.500.000
Hệ: Viện Đào tạo Quốc tế									
Lớp: BMM08									
1	76479	Trịnh Ngọc	Anh	24.05.1999	3.44	0	85	3.44	5.000.000
2	76106	Bùi Thị Thu	Hương	31.08.1999	3.63	0	92	3.63	5.500.000
3	76148	Kiều Thu	Hương	06.03.1999	3.44	0	85	3.44	5.000.000
4	76468	Phạm Thị Mai	Hương	05.08.1999	3.43	0.05	93	3.48	5.000.000

5	76469	Phạm Thị Diệu	Trinh	30.05.1999	3.49	0	85	3.49	5.000.000		
Tổng lớp:									25.500.000		
Lớp: BMM09											
1	77084	Ngô Thị Phương	Anh	14.11.2000	3.53	0	94	3.53	5.000.000		
2	77756	Trần Thị	Giang	22.07.2000	3.43	0	90	3.43	5.000.000		
3	79335	Vũ Hồng	Nhung	25.12.2000	3.69	0.05	98	3.74	5.500.000		
Tổng lớp:									15.500.000		
Lớp: BMM60ĐH											
1	81724	Nguyễn Quỳnh	Anh	28.08.2000	3.67	0	94	3.27	5.000.000		
2	82579	Nguyễn Công	Dương	04.08.2001	3.34	0.05	98	3.39	5.000.000		
3	84699	Phạm Hồng	Sơn	13.11.2001	3.18	0	90	3.18	4.450.000		
4	84730	Lê Thị Thanh	Tâm	09.11.2001	3.21	0	88	3.21	5.000.000		
5	84911	Lê Thị	Thảo	07.10.2001	3.61	0	92	3.61	5.500.000		
Tổng lớp:									24.950.000		
Lớp: GMA07											
1	71174	Trần Kim	Hằng	13.05.1998	3.4	0	87	3.4	5.000.000		
2	71213	Vũ Thị Thùy	Linh	03.12.1998	3.6	0	90	3.6	5.500.000		
3	71053	Hoàng Thị Thảo	My	27.01.1998	3.4	0	87	3.4	5.000.000		
4	71050	Hoàng Thu	Trang	14.09.1998	3.52	0	90	3.52	5.000.000		
Tổng lớp:									20.500.000		
Lớp: GMA08											
1	76284	Quách Chí	Hiếu	25.09.1999	3.4	0.05	90	3.45	5.000.000		
2	76214	Nguyễn Thị Thanh	Nga	12.05.1999	3.53	0	90	3.53	5.000.000		
3	76220	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	05.05.1999	3.4	0.05	90	3.45	5.000.000		
4	76495	Vũ Thu	Thảo	03.11.1999	3.48	0	90	3.48	5.000.000		
Tổng lớp:									20.000.000		
Lớp: GMA09											
1	81704	Gbentsunma Miriam	Dawuda	14.08.1999	3.54	0	90	3.54	5.000.000		
2	78099	Nguyễn Trung	Hoàn	06.03.2000	3.49	0.05	94	3.54	5.000.000		
3	79739	Nguyễn Đức	Thắng	18.06.2000	3.53	0	84	3.53	5.000.000		
Tổng lớp:									15.000.000		
Lớp: GMA60ĐH											
1	82298	Phạm Việt	Bách	01.12.2001	3.38	0	85	3.38	5.000.000		
2	82834	Nguyễn Hương	Giang	16.08.2001	2.93	0	85	2.93	4.450.000		
3	81725	Ginibo Aghogho	Merit	23.05.1995	2.99	0	80	2.99	4.450.000		
Tổng lớp:									13.900.000		
Lớp: IBL08											
1	76203	Nguyễn Diệu	Hương	26.02.1999	3.43	0	90	3.43	5.000.000		
2	76161	Lê Hà	Ly	21.12.1999	3.6	0.05	92	3.65	5.500.000		
3	76275	Phạm Thị	Nga	02.10.1999	3.66	0	95	3.66	5.500.000		
4	76338	Vũ Thị Việt	Trinh	16.07.1999	3.68	0	95	3.68	5.500.000		
5	76280	Phạm Anh	Văn	23.08.1999	3.53	0	90	3.53	5.000.000		

Tổng lớp:										26.500.000		
Lớp: IBL09												
1	77005	Lê Thị An	26.05.2000	3.59	0	92	3.59	5.000.000				
2	78647	Nguyễn Thị Thùy Linh	16.01.2000	3.71	0	94	3.71	5.500.000				
3	78894	Vũ Thế Long	29.10.2000	3.56	0	92	3.56	5.000.000				
4	78930	Đổng Thị Lý	13.06.2000	3.71	0	94	3.71	5.500.000				
5	79036	Phạm Đức Minh	23.11.2000	3.66	0	92	3.66	5.500.000				
Tổng lớp:										26.500.000		
Lớp: IBL60ĐH												
1	82536	Phạm Lê Anh Dũng	07.12.2001	3.41	0	90	3.41	5.000.000				
2	82915	Vũ Hồng Hà	02.07.2001	3.71	0	95	3.71	5.500.000				
3	83511	Trương Tân Huỳnh	14.11.2001	3.73	0	96	3.73	5.500.000				
4	83566	Chu Mạnh Khoa	05.04.2001	3.7	0.05	96	3.75	5.500.000				
5	84325	Đặng Văn Nhung	26.07.2001	3.7	0.05	96	3.75	5.500.000				
6	85613	Vũ Thanh Vy	25.11.2001	3.6	0	94	3.6	5.500.000				
Tổng lớp:										32.500.000		
Tổng khoa: 43										220.850.000		
Tổng hệ: 43										220.850.000		
Tổng hệ: 641										3.372.750.000 đồng		